

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG TẠI TOÀ ÁN

NGUYỄN TRÍ TUỆ *

Tóm tắt: Bài viết phân tích xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin của toà án các nước trên thế giới và Việt Nam; đánh giá mức độ đáp ứng của pháp luật Việt Nam hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin tại toà án; đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy hiệu lực và hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tố tụng tại toà án Việt Nam: ưu tiên hình thức gửi trực tuyến đơn khởi kiện; khai thác phương tiện điện tử như một công cụ chính trong việc gửi tài liệu cho đương sự; cho phép xét xử trực tuyến; công nhận ghi âm, ghi hình là một hình thức biên bản...

Từ khoá: Công nghệ thông tin; hoạt động tố tụng; nâng cao hiệu quả; toà án; ứng dụng

Nhận bài: 26/12/2018

Hoàn thành biên tập: 12/6/2019

Duyệt đăng: 18/6/2019

APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY TO RAISE THE EFFICIENCY OF PROCEDURAL ACTIVITIES AT COURT

Abstract: The paper analyses the trend of applying information technology at court in the countries around the world and in Vietnam. It evaluates how much the current law of Vietnam meets the demands of applying information technology at court. The paper then offers solutions to promote the effectiveness and efficiency of applying information technology at court in Vietnam such as: prioritising online lodgement of petitions; utilising electronic means as a main tool for sending documents to parties; accepting online trial; recognising audio and video recordings as a type of minutes, and etc.

Keywords: Information technology; procedural activity; raising the efficiency; court; application

Received: Dec 26th, 2018; Editing completed: June 12th, 2019; Accepted for publication: June 18th, 2019

Trong xã hội hiện đại, công nghệ thông tin (CNTT) đã tác động sâu rộng đến mọi mặt của cuộc sống. Nhờ có ứng dụng CNTT, các hoạt động của con người, trong đó có hoạt động tố tụng của toà án ngày càng hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Hiện nay, CNTT đang được ứng dụng rộng khắp và ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá, xã hội của từng quốc gia, từng khu vực và toàn cầu. Bài viết đề cập vai trò quan trọng của việc ứng dụng

CNTT trong hoạt động tố tụng của toà án và những vấn đề đặt ra cần giải quyết để nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng tại toà án.

1. Xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin của toà án các nước trên thế giới

Ứng dụng CNTT trong nhiều lĩnh vực đang trở thành mối quan tâm hàng đầu và là xu thế tất yếu của nhiều quốc gia trong những năm gần đây, đặc biệt trong hoạt động của các cơ quan nhà nước như: tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp chứng nhận của các tổ chức, cá nhân về quyền sở hữu tài sản, sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, cấp phép xây dựng, kê khai

* Thẩm phán, Toà án nhân dân tối cao
E-mail: tue6363@gmail.com

thuế, thủ tục thông quan hàng hoá,... đều được thực hiện thông qua môi trường mạng.

Trong hoạt động của toà án, xu hướng đơn giản hoá thủ tục tố tụng và ứng dụng CNTT vào hoạt động của toà án đang được nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện; nhiều mô hình và ứng dụng CNTT đã được áp dụng thành công trong các hệ thống toà án, đã mang lại cho các quốc gia cái nhìn chung và mới mẻ về việc ứng dụng CNTT trong việc quản lý các vụ án cũng như việc quản lý các hoạt động của toà án.

Mô hình toà án điện tử (eCourt) đã dần được hình thành và Australia là một trong số các quốc gia đầu tiên trên thế giới ứng dụng thành công mô hình toà án điện tử tại một số cấp toà; Toà án Liên bang là toà án tiên phong trong việc ứng dụng CNTT ở Nga, điển hình là các ứng dụng: áp dụng hệ thống nộp và bổ sung đơn cũng như các tài liệu khác qua mạng (eLodgment); hệ thống quản lý án (Federal Law Search); phòng xử án ảo (eCourtroom - được sử dụng trong việc quản lý và xem xét một số vấn đề trước khi đưa ra xét xử trước Toà án Liên bang hoặc Toà sơ thẩm Liên bang)...

Hiện nay, hệ thống toà án của một số quốc gia khác như Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, Nga, Singapore, Indonesia, Malaysia... cũng đã ứng dụng CNTT một cách mạnh mẽ vào hoạt động của mình để xây dựng hệ thống toà án hiện đại. Việc áp dụng thành công các ứng dụng: nộp đơn qua mạng, số hoá các tài liệu trong hồ sơ vụ án, hệ thống quản lý án, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật, hệ thống tìm kiếm thông tin pháp luật, sử dụng phòng xử án công nghệ cao... trong

hoạt động của các toà án tại các quốc gia này thực sự mang lại nhiều thuận lợi cho người dân và hoạt động quản lý của toà án.

Với việc áp dụng hệ thống nộp đơn qua mạng, tất cả các tài liệu sẽ được nộp bằng bản mềm và được nhập vào hệ thống máy chủ của toà án mà không cần phải in ra giấy. Những tài liệu này sẽ được quản lý trên máy tính và được đánh mã số để phục vụ cho việc tìm kiếm.

Hệ thống quản lý án là một ứng dụng phần mềm kết nối với mạng Internet được xây dựng nhằm quản lý và giám sát các vụ án từ khi thụ lý đến khi được giải quyết xong. Hệ thống này sẽ ghi lại các vụ án, quản lý danh sách các vụ án đã và sẽ được xét xử, ghi lại những văn bản của toà án và kết quả của từng vụ án. Hệ thống quản lý án giúp các cán bộ chuyên trách quản lý án; hỗ trợ việc sắp xếp lịch và hồ sơ các vụ án sẽ được xét xử; đồng thời là nguồn thông tin số liệu về hoạt động của toà án.

Việc số hoá các tài liệu trong hồ sơ vụ án đảm bảo việc quản lý văn bản từ khi chúng được sản sinh ra đến khi chuyển giao vào lưu trữ. Việc lưu trữ tài liệu điện tử giảm thiểu phần lớn không gian lưu giữ so với tài liệu giấy. Trang bị hệ thống chu chuyển văn bản điện tử cho phép tiết kiệm phần lớn chi phí văn phòng phẩm cho việc in, photocopy, tiết kiệm thời gian và tiền bạc cho vấn đề vận chuyển văn bản bằng đường bưu điện, tiết kiệm sức lao động và tăng hiệu suất lao động, đảm bảo an toàn tài liệu. Mặt khác, thực hiện việc số hoá các tài liệu cũng đảm bảo quá trình tìm kiếm và xử lý thông tin văn bản được diễn ra nhanh chóng, thuận

lợi và hệ thống. Việc tiếp cận tài liệu và tìm kiếm thông tin trên hệ thống văn bản điện tử có thể mang lại kết quả hầu như ngay lập tức thông qua cơ sở dữ liệu và hệ thống tra tìm tự động. Việc tìm kiếm văn bản và thông tin văn bản mang tính hệ thống rất cao do cũng được thực hiện thông qua hệ thống tra tìm tự động. Việc sử dụng văn bản điện tử và lưu giữ trong môi trường điện tử cũng giảm thiểu khả năng thất lạc văn bản, điều có thể dễ dàng xảy ra đối với tài liệu giấy.

Các toà án của một số quốc gia đã xây dựng nhiều phòng xét xử mới để ứng dụng những tiến bộ CNTT. Những phòng xử án như vậy có thể được sử dụng để xét xử trực tuyến khi được kết nối với mạng nội bộ của toà án và mạng internet, tích hợp các hệ thống âm thanh, hình ảnh và kết nối với những hệ thống dữ liệu, thông tin của toà án. Nhiều hệ thống công nghệ hiện đại đã được lắp đặt tại các phòng xử án công nghệ cao như hệ thống tai nghe, âm thanh, hình ảnh, hệ thống hội nghị qua điện thoại, qua hình ảnh và đường truyền dẫn sang các phòng xử án hoặc các địa điểm khác để người dân cũng như các phương tiện truyền thông có thể theo dõi.

Một số quốc gia đã xây dựng thành công hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật nhằm cung cấp dịch vụ thông tin pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và các cá nhân hoạt động trong hệ thống tư pháp. Đây là những hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối mở nhằm cung cấp dịch vụ thông tin pháp luật không những của một quốc gia nhất định mà còn của các quốc gia khác. Ví dụ như hệ thống cơ sở dữ liệu Lawnet của Singapore là một hệ thống rất phổ biến

và được tin nhiệm tại Singapore, trong đó một phần nội dung quan trọng của cơ sở dữ liệu này là hệ thống pháp luật án lệ kết nối gồm có hệ thống án lệ của Malaysia, Singapore, Anh, Ấn Độ, Australia và New Zealand.

Nhiều quốc gia cũng đã xây dựng hệ thống tìm kiếm thông tin pháp luật, cho phép người dân tìm kiếm những thông tin nhất định trong hệ thống quản lý án tại trang web của toà án. Những thông tin được cung cấp trên hệ thống tìm kiếm này bao gồm thông tin về đương sự của vụ án, ngày xét xử và các văn bản của toà án trong vụ án.

2. Xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin của toà án Việt Nam

Qua kinh nghiệm của các nước cho thấy việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của toà án mang lại rất nhiều lợi ích như: cung cấp những dịch vụ và thông tin một cách nhanh chóng, chính xác để đáp ứng nhu cầu của người dân; củng cố và nâng cao khả năng tiếp cận công lý; giảm các thủ tục và chi phí không cần thiết cho các đương sự, đặc biệt là những đương sự ở các khu vực xa trung tâm hay khu vực nông thôn; hỗ trợ thẩm phán, bất kể ở khu vực địa lý nào, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn một cách hiệu quả nhất; hỗ trợ bộ phận quản lý hành chính toà án một cách tối đa trong việc hướng dẫn và cung cấp giấy tờ cho đương sự cũng như người dân khi họ có việc tại toà án.

Nhiều hội nghị, diễn đàn trong khu vực và quốc tế đã được tổ chức để trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trong hoạt động ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tại toà án, như: Diễn đàn cải cách tư pháp châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 4 được nhóm

hợp từ ngày 25/10/2010 đến 28/10/2010 tại Bắc Kinh - Trung Quốc với chủ đề “Ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tại toà án”. Đây là diễn đàn của 49 toà án tối cao và các cơ quan tư pháp trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương được thành lập sau Tuyên bố Manila về cải cách tư pháp năm 2005 nhằm kêu gọi một diễn đàn chung cho các nước trong khu vực để trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trong lĩnh vực cải cách tư pháp. Tại Diễn đàn lần thứ 4, các đại biểu đã trao đổi về những mô hình và ứng dụng CNTT đã được áp dụng thành công trong các hệ thống toà án; những chính sách và phương pháp mà các hệ thống toà án áp dụng trong công tác xây dựng và phát triển hệ thống CNTT; những khó khăn và thử thách mà các hệ thống toà án đang phải đối mặt trong vấn đề ứng dụng CNTT.

Nắm bắt được tình hình và hoà chung với xu thế phát triển chung của xã hội, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến sự phát triển của khoa học công nghệ nói chung và CNTT nói riêng. Cụ thể như: Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ chính trị khoá VIII về đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”... Đặc biệt, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm

2020” đã đề ra các nhiệm vụ cải cách tư pháp, trong đó có nhiệm vụ “... *đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý; người dân chỉ nộp đơn đến toà án, toà án có trách nhiệm nhận và thụ lí đơn,... từng bước thực hiện việc công khai hoá các bản án, trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục,... tăng cường áp dụng CNTT vào hoạt động của các cơ quan tư pháp...*”. Định hướng trên đã được cụ thể hoá tại Luật tổ chức toà án nhân dân. Cụ thể, khoản 4 Điều 96 Luật tổ chức toà án nhân dân năm 2014 quy định: “4. *Nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, phát triển CNTT cho toà án nhân dân*”.

Việc ứng dụng CNTT trong quá trình tố tụng lần đầu tiên đã được ghi nhận trong các bộ luật, luật tố tụng lớn như Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS), Luật tố tụng hành chính năm 2015 (LTTHC). Theo đó, ghi nhận việc gửi, nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo bằng phương tiện điện tử; việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bên cạnh các phương thức tổng đạt trực tiếp và gửi qua dịch vụ bưu chính thì bổ sung phương thức tổng đạt bằng phương tiện điện tử; quy định các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của toà án. Đây là các quy định mới nhằm thể chế hoá các đường lối, chủ trương của Đảng về việc tăng cường áp dụng CNTT vào hoạt động của các cơ quan tư pháp; đồng thời cũng là nền tảng để chúng ta xây dựng

toà án điện tử và hướng tới xây dựng toà án thông minh trong tương lai.

3. Đánh giá mức độ đáp ứng của pháp luật hiện hành và giải pháp thúc đẩy hiệu lực và hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tố tụng tại toà án⁽¹⁾

3.1. Về gửi đơn khởi kiện

- Tác động của ứng dụng CNTT tới việc gửi đơn khởi kiện

Để giải quyết tranh chấp tại toà án, nguyên đơn phải gửi đơn khởi kiện. Yêu cầu này được thể hiện rõ trong BLTTDS: “... Toà án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó” (khoản 1 Điều 5 BLTTDS). Vấn đề được quan tâm ở đây là tác động của CNTT tới việc gửi đơn khởi kiện.

Ứng dụng về CNTT sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người khởi kiện. Thực tế cho đến thời điểm hiện nay, nguyên đơn vẫn gửi đơn khởi kiện thông qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tới toà án và toà án Việt Nam chỉ nhận được đơn khởi kiện theo hai cách thức nêu trên. Thực trạng trên sẽ thay đổi với việc vận dụng thành tựu của CNTT bằng cách gửi đơn khởi kiện qua mạng (trực tuyến). Với cách thức mới này, nguyên đơn sẽ tiết kiệm được thời gian và kinh phí di chuyển (từ nhà đến bưu điện hay đến toà án), vì họ có thể gửi đơn khởi kiện ở bất kì địa điểm nào và ở bất kì thời gian nào. Hướng mới này cũng giảm tải sức người và chi phí cho toà án, vì nếu đương sự nộp trực tiếp tới toà án thì toà

án còn phải cử người tiếp nhận hồ sơ và phải có không gian để tiếp nhận hồ sơ.

Việc gửi đơn khởi kiện theo cách truyền thống nêu trên còn gặp trở ngại lớn là phải theo giờ hành chính, nguyên đơn không gửi được đơn khởi kiện vào những ngày nghỉ (cuối tuần hay ngày lễ). Với ứng dụng của công nghệ thông tin, bất lợi này sẽ được loại bỏ.

- Thực trạng pháp luật

BLTTDS đã phân nào tiếp cận thành tựu của việc ứng dụng CNTT khi quy định: “Người khởi kiện gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ mà mình hiện có đến toà án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức sau đây: a) Nộp trực tiếp tại toà án; b) Gửi đến toà án theo đường dịch vụ bưu chính; c) Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua cổng thông tin điện tử của toà án (nếu có)” (khoản 1 Điều 190).

Quy định về phương thức gửi trực tuyến nêu trên trong BLTTDS là điểm mới nhằm tiến tới hiện đại hoá hoạt động của toà án và tạo mọi thuận lợi cho người khởi kiện và cũng là cơ sở cho việc cải cách hành chính tại toà án theo hướng khởi kiện, cung cấp chứng cứ thông qua hộp thư điện tử. Tiếp đó, Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS số 92/2015/QH13, LTTTC số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản bằng phương tiện điện tử nhưng đến thời điểm này chưa có trường hợp nào toà án nhận và thụ lý đơn khởi kiện gửi trực tuyến theo quy định nêu trên.

(1). Phạm vi của bài viết chủ yếu đề cập ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tố tụng dân sự.

Như vậy, mặc dù các văn bản quy phạm pháp luật đã cho phép tiếp cận ứng dụng CNTT nhưng thực tiễn chưa vận hành hiệu quả ứng dụng này.

Thực trạng này do nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chính sau đây: *một là* người dân có thói quen gửi đơn khởi kiện qua bưu điện hay nộp trực tiếp tại cơ quan tài phán và chưa có thói quen gửi đơn khởi kiện trực tuyến; *hai là* các văn bản vẫn chỉ coi gửi trực tuyến đơn khởi kiện có giá trị tương đương như gửi qua bưu điện hay nộp trực tiếp tại toà án (chưa coi gửi trực tuyến là ưu tiên hàng đầu); *ba là* các hướng dẫn chưa thực sự cụ thể để nguyên đơn có thể gửi trực tuyến đơn khởi kiện.

- Hướng hoàn thiện pháp luật

Để tận dụng được ưu thế của CNTT trong hoạt động tố tụng, chúng ta cần có định hướng sửa đổi pháp luật ở hai góc độ:

Trước mắt, cần phải có văn bản hướng dẫn việc gửi đơn khởi kiện trực tuyến để đương sự biết cách thức thực hiện (có thể học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực kê khai thuế trực tuyến đã triển khai ở Việt Nam trong thời gian qua). Hướng dẫn này nên thống nhất trên cả nước và cần có những nội dung tối thiểu mà đương sự cần điền thông tin khi gửi đơn khởi kiện trực tuyến như: thông tin về các bên trong tranh chấp, bản chất quan hệ có tranh chấp, tóm tắt nội dung tranh chấp, các vấn đề yêu cầu toà án giải quyết, khả năng nhận và gửi trực tuyến các văn bản tố tụng khác (như giấy triệu tập, phán quyết cuối cùng), danh sách các tài liệu kèm theo... Điều quan trọng nữa là phải khuyến khích được người dân sử dụng việc gửi trực tuyến đơn khởi kiện và để

được làm việc này có thể học hỏi kinh nghiệm của các công ti thương mại, theo đó, nếu mua trực tuyến thì giá sẽ giảm hơn mua tại địa điểm giao dịch của công ti (để công ti không phải cử nhân viên, không phải thuê trụ sở...). Với tư duy này, chúng ta có thể thay đổi mức biểu phí (phí tố tụng) theo hướng giảm phí tố tụng cho trường hợp gửi trực tuyến so với gửi qua bưu điện hay nộp trực tiếp tại cơ quan tài phán.

Về quy định của BLTTDS năm 2015, Bộ luật mới chỉ quy định người khởi kiện gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo bằng hình thức điện tử qua cổng thông tin điện tử của toà án. Do đó, cần bổ sung quy định các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng có quyền gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử trong quá trình giải quyết vụ án thì mới bảo đảm sự bình đẳng trong hoạt động tố tụng.

Về lâu dài, không nên coi gửi trực tuyến như một khả năng có cùng giá trị như gửi qua bưu điện hay nộp trực tiếp tại toà án mà nên theo hướng gửi trực tuyến là ưu tiên hàng đầu, để tận dụng được những ưu việt của ứng dụng CNTT. Đây cũng là hướng mà Cộng hoà Pháp đang thực hiện. Trước đây, Cộng hoà Pháp quy định theo hướng giống như Việt Nam hiện nay (tức và gửi trực tuyến chỉ là một trong những lựa chọn của đương sự) nhưng từ năm 2019, đối với toà sơ thẩm thẩm quyền rộng, gửi yêu cầu trực tuyến sẽ là phương án duy nhất (sẽ bị từ chối thụ lý nếu gửi bằng phương thức truyền thống), trừ cản trở khách quan như tài liệu kèm theo quá lớn trong khi đó công nghệ chưa cho phép.

“Đây được đánh giá là một sự phát triển logic trong cuộc cách mạng số”.⁽²⁾

Về phạm vi áp dụng, BLTTDS Việt Nam quy định về vụ án dân sự với đơn khởi kiện và về việc dân sự với đơn yêu cầu (khoản 1 Điều 362 quy định: *“Người yêu cầu toà án giải quyết việc dân sự phải gửi đơn đến toà án có thẩm quyền”*). Tuy nhiên, khả năng gửi trực tuyến chỉ đề cập đối với đơn khởi kiện, tức đối với vụ án dân sự. Trong một báo cáo đầu năm 2018 ở Pháp cho thấy, việc yêu cầu trực tuyến *“là có thể đối với vụ án (tức có tranh chấp) cũng như việc dân sự (tức không có tranh chấp)”*.⁽³⁾ Nhận định này cũng hoàn toàn có giá trị ở Việt Nam nên khi hoàn thiện pháp luật, để tận dụng thành tựu của CNTT, chúng ta cũng nên lưu ý tới cả việc dân sự như yêu cầu tuyên bố cá nhân là đã chết hay mất tích cũng hoàn toàn có thể và nên số hoá.

Thực ra, ngoài hai thủ tục trên, BLTTDS còn quy định về thủ tục khác như công nhận và cho thi hành quyết định của nước ngoài⁽⁴⁾ và thiết nghĩ yêu cầu toà án trong thủ tục này cũng nên theo hướng số hoá.

3.2. Về gửi tài liệu tố tụng đến các bên, chủ thể khác

- Tác động của ứng dụng công nghệ thông tin

Thực tế toà án phải gửi một số tài liệu tố tụng tới đương sự hay cơ quan tố tụng khác như viện kiểm sát, trong đó phải kể đến giấy

triệu tập và quyết định, phán quyết giải quyết tranh chấp. Hiện nay, toà án khá vất vả trong việc gửi tài liệu nêu trên, nhất là đối với giấy triệu tập (nhiều khi phải đến tận nơi của đương sự, thậm chí phải có sự can thiệp của cơ quan có thẩm quyền để niêm yết giấy triệu tập).

Với ứng dụng của CNTT, những khó khăn trên có thể được loại bỏ khi toà án gửi trực tiếp cho các đương sự hay chủ thể khác qua mạng và bộ phận thư kí của toà án sẽ giảm bớt công việc liên quan đến việc chuyển tài liệu tố tụng, nhất là giấy triệu tập đương sự.

- Thực trạng pháp luật

Pháp luật tố tụng đã phân nào tiếp cận ứng dụng của CNTT liên quan đến việc gửi tài liệu tố tụng. Cụ thể, bên cạnh việc gửi truyền thống, Điều 176 BLTTDS quy định: *“Việc cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều này”*. Quy định này đã được hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP, theo đó người khởi kiện, người tham gia tố tụng được lựa chọn giao dịch điện tử với toà án theo một trong các hình thức sau: gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với toà án; chỉ nhận thông điệp dữ liệu điện tử do toà án cấp, tổng đạt, thông báo. Tuy nhiên, việc gửi trực tuyến này phụ thuộc vào ý chí của đương sự nên không thực sự hiệu quả trên thực tế vì khoản 2 Điều 173 BLTTDS còn quy định: *“Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”*.

(2). C. Bléry, Justice du 21e siècle: les procédures TGI et TI retouches, Dalloz actualité 18 mai 2017.

(3). F. Agostini et N. Molfessis, Chantiers de la justice-Amélioration et simplification de la procédure civile, Min. justice, janv. 2018, tr. 16.

(4). Xem thêm Điều 1 BLTTDS.

- Hướng hoàn thiện pháp luật

Cũng như đối với đơn khởi kiện, để giảm sức người, thời gian cũng như kinh phí, chúng ta nên theo hướng khai thác phương tiện điện tử như một công cụ chính hay duy nhất trong việc gửi tài liệu cho đương sự hay chủ thể khác có liên quan.

Một báo cáo của Cộng hoà Pháp đầu năm 2018 đã gợi ý rằng: *“Đơn khởi kiện và những trao đổi với toà án có thể buộc phải chuyển sang hình thức trực tuyến khi có sự tham gia của trợ giúp pháp lý (luật sư, công chứng, thừa phát lại, chuyên gia pháp lý...), nhà nước hay chính quyền địa phương, pháp nhân công, pháp nhân tư được giao một dịch vụ công. Điều đó cũng tương tự khi một bên là pháp nhân tư vì việc định danh số có thể được vận dụng một cách dễ dàng”*.⁽⁵⁾ Gợi ý này (gửi đơn khởi kiện và trao đổi tài liệu tố tụng bắt buộc trực tuyến) hoàn toàn có thể được triển khai ở Việt Nam và nên làm sớm như một giai đoạn kiểm nghiệm việc số hoá hoạt động giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, việc vận dụng kiểm nghiệm có thể được triển khai một phần tại toà án như ban đầu vận hành thử nghiệm tại các toà án triển khai thí điểm và sau đó nhân rộng cơ chế này ra trong toàn hệ thống toà án.

Một báo cáo khác của Cộng hoà Pháp còn gợi ý *“nên phát triển việc triệu tập số bằng gửi email hay tiến hành nhắc nhở về triệu tập qua tin nhắn”*.⁽⁶⁾ Việt Nam cũng có thể học tập kinh nghiệm này.

(5). F. Agostini et N. Molfessis, tldd, tr. 13.

(6). J.-F. Beynel et D. Casas (dir.), *Chantiers de la justice-Transformation numérique*, Min. justice, janv, 2018, tr. 24.

Pháp luật tố tụng cần quy định cụ thể hơn việc gửi văn bản tố tụng đến các cơ quan tư pháp bằng phương tiện trực tuyến thì mới đảm bảo tận dụng được ứng dụng của CNTT. Ví dụ, hiện nay theo quy định pháp luật tố tụng hiện hành về tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tuyến, toà án gửi cho một đương sự thông báo nộp tạm ứng án phí theo hình thức trực tuyến, đương sự nhận được và in ra mang đến đơn vị thi hành án nộp tiền tạm ứng án phí thì chắc chắn là cơ quan thi hành án không đồng ý với thông báo nộp tạm ứng án phí in từ trên mạng vì văn bản này kí số và không có dấu đỏ.

3.3. Về tham gia phiên xét xử

- Tác động của ứng dụng công nghệ thông tin

Tranh chấp hiện nay được giải quyết thông qua phiên xét xử. BLTTDS quy định: *“Việc xét xử phải bằng lời nói và được tiến hành tại phòng xử án”* (khoản 2 Điều 225 BLTTDS); Điều 25 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Toà án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên toà, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Toà án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai”*. Thực tế hiện nay, các thành phần của hoạt động tố tụng phải có mặt tại phiên xét xử.

Ứng dụng CNTT có thể làm thay đổi thực trạng trên. Cụ thể:

+ Đối với lĩnh vực dân sự: đương sự vẫn tham gia phiên xét xử mà không cần có mặt

tại phòng xét xử thông qua hệ thống truyền hình trực tuyến. Với giải pháp này, khả năng phải hoãn phiên xét xử do một bên không thể có mặt tại phòng xét xử sẽ giảm, chi phí cho đương sự cũng sẽ giảm mạnh vì họ vẫn được tham gia phiên xét xử mà không phải mất thời gian di chuyển đến địa điểm xét xử (đôi khi rất xa so với họ). Tòa án cũng tiết kiệm được chi phí do không phải tổ chức đón tiếp đương sự tại địa điểm xét xử;

+ Riêng đối với việc xét xử các vụ án hình sự, trong trại giam sẽ phải có một phòng xét xử được xây dựng, bố trí giống phòng xét xử tại tòa án và cũng được trang bị đầy đủ các phương tiện điện tử như: hệ thống âm thanh, màn hình hiển thị, hệ thống truyền hình hội nghị kết nối về phòng xét xử tại trụ sở tòa án. Đặc biệt, màn hình hiển thị được trang bị cho phòng xét xử tại trại tạm giam rất lớn để tạo cho bị cáo có cảm giác như đang đứng trước hội đồng xét xử tại phòng xét xử của trụ sở của tòa án.

Người tiến hành tố tụng như thẩm phán, kiểm sát viên cũng cần tham gia vào phiên xét xử. Ứng dụng của CNTT cho phép họ được tham gia mà không nhất thiết phải có mặt trực tiếp ở phòng xét xử bằng cách sử dụng hệ thống truyền hình trực tuyến và ích lợi của khả năng này là rất rõ ràng.

- Thực trạng pháp luật

Đến thời điểm này, pháp luật tố tụng Việt Nam chưa có quy định về việc xét xử trực tuyến.

- Hướng hoàn thiện pháp luật

Đề khai thác ứng dụng của CNTT mà chất lượng giải quyết các vụ, việc dân sự, hình sự, hành chính không thay đổi, pháp

luật Việt Nam trong tương lai cần có sự điều chỉnh theo hướng cho phép xét xử trực tuyến, một số thành phần tham gia tố tụng có thể tham dự phiên xét xử thông qua hình thức trực tuyến mà không cần phải đến trực tiếp tại tòa.

3.4. Về biên bản phiên xét xử

- Tác động của ứng dụng công nghệ thông tin

Pháp luật trọng tài không có quy định về biên bản phiên giải quyết tranh chấp nhưng pháp luật tố tụng có quy định chi tiết về nội dung này.

Cụ thể, biên bản phiên tòa phải có “đầy đủ” các nội dung sau: “*Mọi diễn biến tại phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa*” và “*các câu hỏi, câu trả lời và phát biểu tại phiên tòa*”. Thực tế, đây là công việc khá nặng cho tòa án và thường phát sinh căng thẳng với đương sự (cho rằng biên bản không đầy đủ). Với ứng dụng của CNTT, khó khăn trên có thể được lược bỏ bằng cách: ghi âm và ghi hình đầy đủ diễn biến các phiên tòa xét xử; hệ thống chuyển đổi giọng nói thành chữ viết; thư kí ảo. Với sự phát triển của công nghệ số, việc ghi âm và ghi hình cũng như lưu trữ có thể được triển khai để giảm tải áp lực cũng như sức người, chi phí cho phía cơ quan xét xử.

Thực ra, việc ghi âm và ghi hình diễn biến phiên xét xử (nếu chất lượng ghi âm và ghi hình được bảo đảm) sẽ toàn diện và chính xác hơn biên bản giấy hiện nay, vì biên bản giấy do con người viết nên chắc chắn sẽ có những thiếu sót, lược bỏ nội dung và thường không thể hiện được tâm trạng của những người tham gia phiên xét

xử. Nói cách khác, áp dụng ứng dụng của CNTT sẽ mang lại kết quả tốt hơn so với cơ chế truyền thống hiện nay là lập biên bản bằng văn bản.

- Thực trạng pháp luật

Đối với tố tụng tại toà án, hiện nay vẫn bản vẫn tập trung vào biên bản giấy. Ví dụ:

Điều 236 BLTTDS quy định: “*phải ghi đầy đủ*” (khoản 1), “*ngoài việc ghi biên bản phiên toà, Hội đồng xét xử có thể thực hiện việc ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên toà*” (khoản 2), “*sau khi kết thúc phiên toà, chủ tọa phiên toà phải kiểm tra biên bản và cùng với thư kí phiên toà kí biên bản đó*” (khoản 3) và “*kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có quyền được xem biên bản phiên toà ngay sau khi kết thúc phiên toà, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên toà và kí xác nhận*” (khoản 4).

Điều 258 BLTTHS quy định: “*Biên bản phiên toà phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên toà và mọi diễn biến tại phiên toà từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên toà. Cùng với việc ghi biên bản, có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh về diễn biến phiên toà*” (khoản 1), “*ngay sau khi kết thúc phiên toà, chủ tọa...*” (khoản 3), “*... Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hoặc đại diện của những người đó được xem biên bản phiên toà...*” (khoản 4);

Điều 166 LTTHC quy định “*biên bản phiên toà phải ghi đầy đủ các nội dung sau đây: ...*” (khoản 1), “*ngoài việc ghi biên bản phiên toà, toà án có thể thực hiện việc ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên toà*” (khoản 2),

“*sau khi kết thúc phiên toà, hội đồng xét xử phải kiểm tra biên bản; ...*” (khoản 3), “*kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có quyền được xem biên bản phiên toà, ...*” (khoản 4).

BLTTDS, BLTTHS, LTTHC đã tiếp cận phần nào thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0. Bởi lẽ, khoản 2 Điều 236 BLTTDS, khoản 1 Điều 258 BLTTHS, khoản 2 Điều 166 LTTHC nêu trên đều quy định: “*Ngoài việc ghi biên bản phiên toà, hội đồng xét xử có thể thực hiện việc ghi âm, ghi hình về diễn biến phiên toà*”. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ số còn rất hạn chế vì ghi âm, ghi hình còn tùy vào ý kiến của hội đồng xét xử và quan trọng là không thay thế biên bản giấy nên các khó khăn nêu trên chưa thực sự được giải tỏa.

- Hướng hoàn thiện pháp luật

Để khai thác ứng dụng công nghệ số mà chất lượng hoạt động giải quyết vụ việc được cải thiện, pháp luật trước tiên nên quy định theo hướng ghi âm và ghi hình có giá trị tương đương như biên bản giấy (tức cho ghi âm và hình tồn tại song song với biên bản giấy).

Trong tương lai xa hơn, pháp luật nên theo hướng thay đổi biên bản giấy bằng ghi âm và ghi hình để giảm tải sức người cũng như căng thẳng của cơ quan tài phán và chất lượng thông tin cao hơn việc ghi biên bản thông thường trên giấy. Ngoài ra, chúng ta cũng nên theo hướng cho phép người liên quan hay người nghiên cứu tra cứu các bản ghi âm, ghi hình đó (như để phục vụ cho công việc đào tạo).

Với hướng trên, mọi diễn biến trong phiên xét xử sẽ được kiểm soát. Ở đây,

không chỉ nội dung liên quan đến việc xét xử các vụ, việc được ghi lại toàn diện mà cả ứng xử của những người tham gia (như thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư...) cũng được kiểm soát nên chất lượng xét xử sẽ được nâng cao, tính minh bạch của hoạt động xét xử được bảo đảm.

3.5. Về triển khai nguyên tắc công khai

- Tác động của cách mạng công nghệ thông tin

Khoản 2 Điều 15 BLTTDS quy định: *“Toà án xét xử công khai. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì toà án có thể xét xử kín”*.

Điều 25 BLTTHS quy định: *“Toà án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên toà, trừ trường hợp do Bộ luật này quy định. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì toà án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai”*.

Khoản 2 Điều 16 LTTHC quy định: *“Toà án xét xử công khai. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân theo yêu cầu chính đáng của đương sự, toà án có thể xét xử kín”*.

Nguyên tắc xét xử công khai có nhiều ý nghĩa trong thực tiễn. Nó có tác dụng tuyên

truyền tốt cho xã hội và có tác động giáo dục cao. *“Việc xét xử công khai tạo điều kiện cho bất kì ai cũng có thể theo dõi mọi hoạt động tại phiên toà của hội đồng xét xử, đại diện viện kiểm sát, luật sư, từ đó buộc những người này phải có ý thức trách nhiệm cao hơn đối với hành vi của mình, từ đó tạo cơ hội cho người dân giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp”*.⁽⁷⁾ Ở khía cạnh này, ứng dụng của công nghệ thông tin sẽ làm cho nguyên tắc công khai được củng cố, vì công nghệ số phát triển cho phép truyền tải trực tiếp tới công chúng diễn biến phiên xét xử hay cho phép công chúng được tiếp cận dễ dàng mọi diễn biến sau phiên xét xử bằng cách truy cập từ xa nội dung của phiên xét xử.

Với việc vận dụng các thành tựu trên, công chúng không còn phải đến toà án trực tiếp nên giảm thiểu được chi phí cho họ, đồng thời cũng giảm tải công việc cho phía cơ quan tài phán, nhất là vấn đề kiểm tra an ninh tại toà án.

- Thực trạng pháp luật

Nguyên tắc công khai được thể hiện ở nhiều khía cạnh của pháp luật tố tụng. Ví dụ: khoản 3 Điều 24 BLTTDS quy định: *“trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này”*; khoản 3 Điều 18 LTTHC quy định *“Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem*

(7). Trần Anh Tuấn (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Nxb. Tư pháp, tr. 39.

xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định của Luật này. Toà án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định”. Tuy nhiên, khi nghiên cứu các quy định trên, người đọc không thấy có quy định thể hiện đã tiếp cận thành tựu của CNTT để triển khai nguyên tắc xét xử công khai tại toà án.

- Hướng hoàn thiện pháp luật

Trong Báo cáo về quan hệ giữa công lí và chuyển đổi số do nguyên Chánh án Toà án tối cao Cộng hoà Pháp thể hiện có nêu: “Công khai là một trong những bảo đảm cơ bản của một vụ kiện” và “với việc tuân thủ một số điều kiện, việc công khai còn có thể được thực hiện thông qua phương tiện nghe nhìn bằng việc ghi âm, ghi hình và truyền tải các phiên xét xử như đã được nhân rộng ở nhiều nước”.⁽⁸⁾ Nhận định trên hoàn toàn có giá trị ở Việt Nam và trong tương lai, chúng ta cũng cần xem xét khai thác thành tựu khoa học công nghệ nhất là CNTT trong việc triển khai nguyên tắc công khai. Ở đây, cần xem cách mạng số tác động đến đâu và như thế nào trong việc triển khai nguyên tắc công khai theo hướng cho ghi âm, ghi hình và truyền tải trực tiếp diễn biến phiên xét xử, đồng thời cho công chúng được tiếp cận bản ghi âm, ghi hình sau phiên xét xử. Chúng ta cũng cần xem xét công chúng được tiếp cận khi nào cũng như những gì trong một vụ án bằng công nghệ số.

(8). G. Canivet, *Justice: faites entrer le numérique*, Institut Montaigne Novembre 2017, tr. 36.

Cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là CNTT sẽ đánh thức Nhà nước, người dân. Chúng ta sẽ phải giải quyết hàng loạt vấn đề mà xã hội đang phải đương đầu. Đối với toà án, không thể điều hành, hoạt động như trước đây khi mà xã hội đang phát triển như vũ bão. Vì vậy, để kịp thời thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ, trong thời gian tới, toà án Việt Nam tập trung hoàn thiện các hệ thống pháp luật tạo nền tảng cơ sở pháp lí cho việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động của toà án nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành; bảo đảm công khai minh bạch các hoạt động của toà án; đơn giản hoá thủ tục, quy trình tố tụng nhằm tiết kiệm công sức, thời gian, chi phí cho người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; cung cấp đầy đủ các tiện ích tin học hỗ trợ người dân dễ dàng giải quyết công việc tại toà án “mọi lúc - mọi nơi - mọi phương tiện”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Bléry, *Justice du 21e siècle: les procédures TGI et TI retouches*, Dalloz actualité 18 mai 2017.
2. F. Agostini et N. Molfessis, *Chantiers de la justice-Amélioration et simplification de la procédure civile*, Min. justice, janv. 2018.
3. G. Canivet, *Justice: faites entrer le numérique*, Institut Montaigne Novembre 2017.
4. J.-F. Beynel et D. Casas (dir.), *Chantiers de la justice-Transformation numérique*, Min. justice, janv. 2018.
5. Trần Anh Tuấn (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Nxb. Tư pháp.